

Số: 12 /2011/QĐ-UBND

Biên Hòa, ngày 29 tháng 01 năm 2011

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định về mức thu học phí; chế độ miễn, giảm học phí; chế độ hỗ trợ chi phí học tập; cơ chế thu và sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập từ năm học 2010 - 2011 đến năm học 2014 - 2015 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010 - 2011 đến năm học 2014 - 2015;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 29/2010/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 15/11/2010 của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Tài chính - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010 - 2011 đến năm học 2014 - 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 197/2010/NQ-HĐND ngày 09/12/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai khóa VII - kỳ họp thứ 21 về mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, trung học cơ sở, trung học phổ thông công lập từ năm học 2010 - 2011 đến năm học 2014 - 2015 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 36/TTr-SGDĐT ngày 11/01/2011,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về mức thu học phí; chế độ miễn, giảm học phí; chế độ hỗ trợ chi phí học tập; cơ chế thu và sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập từ năm học 2010 - 2011 đến năm học 2014 - 2015 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

**Điều 2.** Mức thu học phí; chế độ miễn, giảm học phí; chế độ hỗ trợ chi phí học tập; cơ chế thu và sử dụng học phí theo Quyết định này được áp dụng kể từ học kỳ II năm học 2010 - 2011.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế quy định về thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập tại Quyết định số 2136/QĐ.UBT ngày 15/8/2000 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc quy định mức thu học phí năm học 2000 - 2001 đối với các cơ sở giáo dục - đào tạo trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và quy định tại khoản 1 Điều 7 Quyết định số 25/2009/QĐ-UBND ngày 13/4/2009 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy định về chế độ đãi ngộ đối với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trường Trung học phổ thông Chuyên Lương Thế Vinh.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra Văn bản);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch;
- Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Chánh - Phó Văn phòng;
- Lưu: VT, KT, VX.

@DienKT

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Huỳnh Thị Nga**

**QUY ĐỊNH**

**Về mức thu học phí; chế độ miễn, giảm học phí; chế độ hỗ trợ chi phí học tập; cơ chế thu và sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập từ năm học 2010 - 2011 đến năm học 2014 - 2015 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

*(Kèm theo Quyết định số 12 /2011/QĐ-UBND ngày 29/01/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

**Chương I  
QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này áp dụng đối với các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập từ năm học 2010 - 2011 đến năm học 2014 - 2015 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Là trẻ em, học sinh đang học tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

**Điều 3. Nguyên tắc thu học phí, thực hiện chế độ miễn, giảm học phí; hỗ trợ chi phí học tập và sử dụng học phí**

- Việc thu học phí; thực hiện chế độ miễn, giảm học phí; hỗ trợ chi phí học tập phải đảm bảo đúng đối tượng, đúng các quy định của Nhà nước và đầy đủ các hồ sơ, thủ tục liên quan.

- Việc sử dụng học phí phải công khai, đúng các nguyên tắc tài chính theo quy định hiện hành.

- Các đối tượng thuộc diện được miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo quy định tại Quy định này mà cùng một lúc được hưởng nhiều chính sách hỗ trợ khác nhau thì chỉ được hưởng một chế độ ưu đãi cao nhất.

**Điều 4. Phân chia khu vực để áp dụng mức thu học phí**

- Khu vực thành thị: Bao gồm các cơ sở giáo dục trên địa bàn các xã, phường thuộc thành phố Biên Hòa và thị xã Long Khánh (trừ các cơ sở giáo dục trên địa bàn xã vùng khó khăn).

- Khu vực nông thôn: Bao gồm các cơ sở giáo dục trên địa bàn các xã, thị trấn thuộc các huyện Long Thành, Nhơn Trạch, Trảng Bom, Thống Nhất (trừ các cơ sở giáo dục trên địa bàn xã vùng khó khăn).

- Khu vực miền núi: Bao gồm các cơ sở giáo dục tại địa bàn các xã vùng khó khăn trên địa bàn tỉnh và các xã, thị trấn thuộc các huyện Tân Phú, Định Quán, Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Vĩnh Cửu.

## **Điều 5. Phương thức áp dụng mức thu học phí**

Học phí được xác định theo địa điểm nơi cơ sở giáo dục đóng. Riêng đối với trường hợp vùng giáp ranh giữa các huyện, thị xã, thành phố mà học sinh đi học ở địa bàn giáp ranh thuận tiện hơn so với đi học tại trường trên địa bàn theo tuyến quy định hoặc ở các địa bàn chưa có trường, học sinh phải đi học ở các địa bàn khác thì mức học phí được xác định theo mức quy định tại trường trên địa bàn học sinh cư trú.

## **Chương II QUY ĐỊNH VỀ MỨC THU HỌC PHÍ**

### **Điều 6. Quy định mức thu học phí**

1. Đồng tiền thu phí: Đồng Việt Nam (VNĐ).
2. Quy định về mức thu học phí năm học 2010 - 2011 đối với các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập giảng dạy theo chương trình đại trà theo bảng sau:

ĐVT: Đồng/học sinh/tháng

Mức thu học phí theo khu vực	Mầm non			Phổ thông	
	Nhà trẻ	MG 1 buổi	MG 2 buổi	THCS	THPT
<b>1. Thành thị</b>					
- Cơ sở giáo dục trên địa bàn các phường	80.000	50.000	80.000	50.000	80.000
- Cơ sở giáo dục trên địa bàn các xã (trừ các xã vùng khó khăn)	60.000	40.000	60.000	40.000	60.000
<b>2. Nông thôn</b>					
- Cơ sở giáo dục trên địa bàn thị trấn và các xã (trừ các xã vùng khó khăn)	50.000	30.000	50.000	30.000	50.000
<b>3. Miền núi</b>					
- Cơ sở giáo dục trên địa bàn thị trấn và các xã (trừ các xã vùng khó khăn)	20.000	15.000	20.000	15.000	20.000
- Cơ sở giáo dục ở xã vùng khó khăn trên địa bàn tỉnh	15.000	10.000	15.000	10.000	15.000

### **3. Thời gian thu học phí:**

- Học phí được thu định kỳ hàng tháng, nếu học sinh hoặc gia đình tự nguyện đóng, nhà trường có thể thu một lần cho cả học kỳ hoặc cả năm học.
- Đối với cơ sở giáo dục mầm non, học phí được thu theo số tháng thực học; đối với cơ sở giáo dục trung học cơ sở, trung học phổ thông, học phí được thu 09 tháng/năm học.

## **Chương III QUY ĐỊNH VỀ MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ; CẤP BÙ HỌC PHÍ VÀ HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP**

### **Điều 7. Quy định về chế độ miễn, giảm học phí**

1. Đối tượng không phải đóng học phí: Học sinh học tiểu học thuộc loại hình công lập.

## 2. Đối tượng được miễn học phí:

a) Người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng số 26/2005/PL-UBTVQH11 ngày 29/6/2005 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

b) Trẻ em học mẫu giáo và học sinh trung học cơ sở, trung học phổ thông có cha mẹ thường trú tại các xã biên giới, vùng cao, hải đảo và các xã, ấp có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

c) Trẻ em học mẫu giáo và học sinh trung học cơ sở, trung học phổ thông mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa hoặc bị tàn tật, khuyết tật có khó khăn về kinh tế.

d) Trẻ em bị bỏ rơi, mất nguồn nuôi dưỡng; trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ nhưng người còn lại là mẹ hoặc cha mất tích theo quy định tại Điều 78 của Bộ luật Dân sự hoặc không đủ năng lực, khả năng để nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật; trẻ em có cha và mẹ hoặc cha hoặc mẹ đang trong thời gian chấp hành hình phạt tù tại trại giam, không còn người nuôi dưỡng.

Người chưa thành niên từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi nhưng đang đi học văn hóa có hoàn cảnh như trẻ em nêu trên.

đ) Trẻ em học mẫu giáo và học sinh trung học cơ sở, trung học phổ thông có cha mẹ thuộc diện hộ nghèo theo chuẩn quy định của tỉnh Đồng Nai.

e) Trẻ em học mẫu giáo và học sinh trung học cơ sở, trung học phổ thông là con của hạ sĩ quan và binh sĩ, chiến sĩ đang phục vụ có thời hạn trong lực lượng vũ trang nhân dân.

g) Học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú.

h) Học sinh là con em hộ tái định cư theo Quyết định số 05/2008/QĐ-UBND ngày 15/01/2008 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc hỗ trợ học phí cho con em nhân dân thuộc diện tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

## 3. Đối tượng được giảm 50% học phí:

a) Trẻ em học mẫu giáo và học sinh trung học cơ sở, trung học phổ thông là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.

b) Trẻ em học mẫu giáo và học sinh trung học cơ sở, trung học phổ thông có cha mẹ thuộc diện hộ có thu nhập tối đa bằng 150% thu nhập của hộ nghèo (chuẩn hộ nghèo theo quy định của tỉnh Đồng Nai).

## Điều 8. Cấp bù học phí

Nhà nước thực hiện cấp bù số học phí miễn, giảm cho các cơ sở giáo dục mầm non, trung học cơ sở, trung học phổ thông công lập có đối tượng được miễn, giảm thuộc các điểm a, b, c, d, đ, e, h khoản 2 và khoản 3 Điều 7 Quy định này.

## **Điều 9. Hỗ trợ chi phí học tập**

### **1. Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập:**

a) Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông có cha mẹ thường trú tại các xã biên giới, vùng cao, hải đảo và các xã, ấp có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

b) Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa hoặc bị tàn tật, khuyết tật có khó khăn về kinh tế.

c) Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông có cha mẹ thuộc diện hộ nghèo theo quy định của tỉnh và không thuộc các xã quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

### **2. Mức hỗ trợ và thời gian hỗ trợ:**

Nhà nước thực hiện hỗ trợ chi phí học tập trực tiếp cho các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này với mức 70.000 đồng/học sinh/tháng để mua sách, vở và các đồ dùng khác. Thời gian được hưởng theo thời gian học thực tế và không quá 09 tháng/năm học.

## **Điều 10. Hồ sơ, thủ tục miễn, giảm học phí; phương thức cấp bù học phí và hỗ trợ chi phí học tập.**

Thực hiện theo Điều 2, Điều 3 Thông tư liên tịch số 29/2010/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 15/11/2010 của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Tài chính - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010 - 2011 đến năm học 2014 - 2015.

## **Chương IV**

## **QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG HỌC PHÍ**

### **Điều 11. Nguồn kinh phí, công tác lập dự toán, phân bổ và quyết toán kinh phí chi trả cấp bù học phí và hỗ trợ chi phí học tập**

1. Nguồn kinh phí chi trả cấp bù học phí, hỗ trợ chi phí học tập được cân đối trong dự toán chi sự nghiệp giáo dục đào tạo hàng năm của tỉnh. Riêng năm 2011, nguồn kinh phí chi trả cấp bù học phí, hỗ trợ chi phí học tập được cân đối từ nguồn ngân sách tỉnh.

2. Công tác lập dự toán, phân bổ và quyết toán kinh phí chi trả cấp bù học phí và hỗ trợ chi phí học tập thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 2, Điều 4 Thông tư liên tịch số 29/2010/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 15/11/2010 của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Tài chính - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010 - 2011 đến năm học 2014 - 2015.

## **Điều 12. Quản lý và sử dụng học phí**

1. Học phí được để lại cho các cơ sở giáo dục để bổ sung nguồn kinh phí của đơn vị theo quy định hiện hành; các cơ sở giáo dục thực hiện trích tỉ lệ để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định, phần còn lại được bổ sung nguồn kinh phí của đơn vị.

2. Các cơ sở giáo dục thu học phí sử dụng biên lai thu do cơ quan Thuế phát hành; việc nhận, quản lý, sử dụng và quyết toán biên lai thu thực hiện theo phân cấp hiện hành.

3. Cơ sở giáo dục công lập sử dụng học phí theo quy định của Chính phủ về quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

4. Cơ sở giáo dục công lập phải gửi toàn bộ số học phí thu được vào Kho bạc Nhà nước; khi có nhu cầu sử dụng nguồn thu học phí thì lập dự toán chi gửi Kho bạc nhà nước để rút kinh phí về sử dụng.

5. Các cơ sở giáo dục công lập có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê học phí theo các quy định của pháp luật; thực hiện yêu cầu về thanh tra, kiểm tra của cơ quan tài chính và cơ quan quản lý giáo dục có thẩm quyền; và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các thông tin, tài liệu cung cấp.

6. Thu, chi học phí của cơ sở giáo dục công lập phải tổng hợp chung vào báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước hàng năm.

7. Hàng năm, cùng với việc lập dự toán thu chi từ nguồn ngân sách nhà nước, các cơ sở giáo dục lập dự toán thu chi quỹ học phí, báo cáo với cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp phê duyệt, tổng hợp gửi cơ quan Tài chính cùng cấp và chuyển cho Kho bạc Nhà nước làm căn cứ thực hiện và kiểm soát chi tiêu.

## **Điều 13. Công khai học phí**

Các cơ sở giáo dục phải thực hiện công khai học phí theo quy định tại Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07/5/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân.

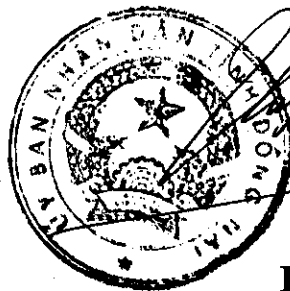
## **Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 14.** Giao Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn các cơ sở giáo dục thực hiện Quy định này.

Từ năm học 2011 - 2012 trở đi, Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Sở Tài chính căn cứ chỉ số giá tiêu dùng tăng bình quân hàng năm do Cục Thống kê tỉnh thông báo để tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh mức thu học phí trên địa bàn tỉnh phù hợp với tình hình thực tế của địa phương và các quy định của nhà nước.

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, Sở Giáo dục và Đào tạo trao đổi, thống nhất với Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Huỳnh Thị Nga**